TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỤ BẢN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25/12/2024
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quốc Mậu.

Ông Trần Xuân Thủy.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Thanh Thảo, là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định *tham gia phiên tòa:* ông Vũ Đức Hoài, là Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Phạm Văn Đ; sinh năm 1965.

Nơi cư trú: thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: bà Phan Thị N; sinh năm 1974.

Nơi cư trú: thôn V, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, ông Đ và bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:*

Ông Đ và bà Phan Thị N tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 3 năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông Đ và bà N đã sống ly

thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Bà N đã về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã M, huyện V. Nay ông Đ xác định hôn nhân không có hạnh phúc nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn bà N.

Về con chung: Giữa ông Đ và bà N không có con chung.

Về tài sản, nợ chung: Giữa ông Đ và bà N không có tài sản và nợ chung.

** Đối với bị đơn bà Phan Thị N:* Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Ông Đ và bà N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020, không còn quan tâm đến nhau, như vậy mục đích của hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho ly hôn giữa ông Đ và bà N. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho ông Đ ly hôn bà N. Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đ vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là bà N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà N.

[2] Về hôn nhân: Giữa ông Đ và bà N kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 3 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân M, huyện V, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Đời sống vợ chồng giữa ông Đ và bà N không hạnh phúc, hai người đã sống ly thân không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau nữa. Xét thấy, ông Đ

và bà N đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho ông Đ ly hôn bà N là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa ông Đ và bà N không có con chung.

[4] Về tài sản và nợ chung: Ông Đ trình bày là không có. Bà N vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết tài sản, do vậy về tài sản và nợ chung không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Ông Đ có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Đ và bà N có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ông Phạm Văn Đ ly hôn bà Phan Thị N.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định theo biên lai số 0000912 ngày 15 tháng 10 năm 2024, ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn Đ và bà Phan Thị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Vụ Bản;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Vụ Bản;
- Ủy ban ND xã M, huyện V;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường